

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NHƯ THANH  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/HNGĐ-ST.

Ngày: 29-11-2019.

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ THANH, TỈNH THANH HÓA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Đình Huy

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lương Văn Mừng

2. Ông Lê Văn Lâm

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa

*Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Nga - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2019/QĐXX-ST ngày 11 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Ngân Thị T - Sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

Có mặt.

**Bi đơn:** Anh Lương Xuân M - Sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện ngày 05/8/2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Ngân Thị T trình bày:

*Về hôn nhân:* Chị và anh M tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa ngày 12/3/2008. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến năm 2009 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do: Anh M hay say rượu, chửi bới, đánh đập vợ, con và phá phách tài sản trong nhà, khiến cho kinh tế gia đình gặp khó khăn, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, hôn nhân không có hạnh phúc. Gia đình hai bên và chính quyền địa phương khuyên bảo, hòa giải nhưng không có kết quả; tình cảm vợ chồng nhạt phai nên không thể hàn gắn được. Không chịu được cuộc sống chung với anh M nên chị đã về nhà mẹ đẻ sống từ năm 2018 và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay.

Xác định mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, đời sống chung thực tế đã không còn, nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh M được ly hôn.

*Về con chung, chị T trình bày:* Chị và anh M có 02 con chung là:

- Lương Anh T - Sinh ngày 01/4/2009
- Lương Ngân Anh N - Sinh ngày 22/9/2016.

Hiện nay cháu Lương Anh T đang ở với chị Lương Thị Quyên (chị gái anh M), cháu Lương Ngân Anh N đang ở với chị. Hai cháu phát triển bình thường về thể chất, trí tuệ.

Trong đơn khởi kiện ngày 05/8/2019 chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lương Ngân Anh N, anh M trực tiếp nuôi cháu Lương Anh T, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con. Nhưng tại bản tự khai ngày 03/10/2019 và tại phiên tòa hôm nay, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai cháu Anh T và Anh N, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con. Lý do thay đổi yêu cầu về trách nhiệm nuôi con chung vì: Anh M không có công việc và thu nhập ổn định, thường xuyên đi lang thang, chơi bời; hiện tại anh không thể tự nuôi cháu Lương Anh T mà phải nhờ chị gái của anh là chị Lương Thị Quyên nuôi con hộ anh.

*Về tài sản và công nợ:* Chị Ngân Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết

*Về án phí:* Chị Ngân Thị T đề nghị được chịu toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Kèm theo đơn khởi kiện và bản tự khai, chị Ngân Thị T còn nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm: Trích lục kết hôn; bản sao giấy khai sinh cháu T và cháu N; Biên bản hòa giải tại cơ sở; Giấy chứng minh nhân dân của chị T và căn cước công dân của anh M (bản sao có chứng thực); Sổ hộ khẩu gia đình (bản sao có chứng thực); Giấy xin xác nhận địa chỉ của bị đơn; Biên lai thu tiền tạm ứng án phí.

\* *Về bị đơn:* Quá trình hòa giải tại cơ sở, anh Lương Văn M đồng ý ly hôn chị T. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, bao gồm: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự đến Tòa án để trình bày quan điểm về vụ án, Thông báo hòa giải, thông báo hoãn phiên hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa; nhưng anh M không có mặt

theo yêu cầu của Tòa án. Vì vậy, Tòa án không thể tiếp cận được với anh M để lấy lời khai của anh.

*\* Tại biên bản xác minh ngày 18/9/2019, chị Lương Thị Quyên - chị gái của bị đơn Lương Xuân M, người sống cùng địa chỉ với anh M trình bày:*

Về hôn nhân: Chị công nhận cơ sở kết hôn và tình trạng hôn nhân của chị T và anh M là đúng như chị T đã trình bày. Quá trình chị T và anh M chung sống đã xảy ra mâu thuẫn do anh M hay uống rượu về đập phá, chửi bới vợ con nên mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng. Từ năm 2018 vợ chồng đã sống ly thân mỗi người mỗi nơi, không ai quan tâm hay có trách nhiệm với nhau. Nay chị T làm đơn ra Tòa xin ly hôn tôi đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị T và anh M có hai con chung là:

- Lương Anh T - Sinh ngày 01/4/2009
- Lương Ngân Anh N - Sinh ngày 22/9/2016.

Hiện nay, cháu Lương Anh T đang ở với chị; trước đây cháu ở với anh M nhưng thời gian gần đây anh M đi từ sáng đến tối mới về, không có thời gian quan tâm, chăm sóc cháu, hay rượu chè và lang thang, chị thương cháu nên mang về nuôi. Nếu chị T và anh M ly hôn, chị đề nghị chị T trực tiếp nuôi cả hai cháu Anh T và Anh N; do điều kiện gia đình chị còn nhiều khó khăn nên không thể tiếp tục chăm sóc cháu Anh T.

Về tài sản và công nợ: Chị T và anh M không có tài sản gì.

*\* Tại đơn đề nghị, cháu Lương Anh T trình bày:* Nếu bố mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở với mẹ và em trai. Vì mẹ cháu có điều kiện tốt hơn để chăm sóc, nuôi dưỡng và lo cho cháu học tập.

*\* Tại phiên tòa:* Chị Ngân Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu đã trình bày tại bản tự khai ngày 03/10/2019. Theo đó, chị đề nghị được ly hôn anh Lương Xuân M và được trực tiếp nuôi hai cháu Anh T và Anh N; chị T không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Tại phiên tòa bị đơn anh Lương Xuân M vẫn không đến tham gia phiên tòa dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ.

***Phần tranh luận:*** Không ai có ý kiến tranh luận.

*\* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về Luật Tố tụng Dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng đều không có mặt theo yêu cầu của Tòa án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Ngân Thị T về việc ly hôn và trách nhiệm nuôi con chung. Theo đó, đề nghị xử cho chị T được ly hôn anh M; chị T được nuôi cả hai con chung, không buộc anh M cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T. Về án phí, đề nghị buộc chị T phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Về thủ tục tố tụng:*

[1] Thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các bên đương sự là về ly hôn và trách nhiệm nuôi con chung; bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa nên Tòa án nhân dân huyện Như Thanh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho anh Lương Văn M các văn bản tố tụng của Tòa án, trong đó có: Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa kèm theo giấy triệu tập đến phiên tòa, nhưng anh M không có mặt theo yêu cầu của Tòa án nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt anh M.

*Về nội dung:*

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngân Thị T và anh Lương Xuân M tự nguyện kết hôn ngày 12/3/2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Vì vậy, hôn nhân giữa chị T và anh M là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian sống chung, anh M thường hay say rượu rồi có hành vi bạo hành vợ, con nên mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng; chị T và anh M đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay, chứng tỏ đời sống hôn nhân thực tế đã không còn; gia đình hai bên và chính quyền địa phương đã hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả nên mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình hòa giải tại cơ sở, anh M cũng có nguyện vọng được ly hôn. Vì vậy, nghĩ nên cho chị T được ly hôn anh M là phù hợp với quy định tại Điều 56 luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Xét nguyện vọng của chị T về trách nhiệm nuôi con thấy rằng: Bản thân anh M không chăm sóc nuôi dưỡng các con chung của anh và chị T, nên đã vi phạm nghĩa vụ của người cha đối với con chưa thành niên được quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Hôn nhân và gia đình. Hiện nay anh M không có công việc và thu nhập ổn định nên không đủ điều kiện về kinh tế để nuôi con chưa thành niên. Ngược lại, chị T có công việc và thu nhập ổn định; chị đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của người mẹ đối với các con của mình; nguyện vọng nuôi con của chị cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Lương Anh T. Nghĩ nên chấp nhận nguyện vọng của chị T, giao hai cháu Lương Anh T và Lương Ngân Anh N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Anh Lương Xuân M không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

[5] Về tài sản và công nợ: Chị T, anh M đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] *Về án phí*: Chị Ngân Thị T là nguyên đơn nên phải chịu toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271; 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 56; Điều 81; Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 điều 227; Điều 235; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào: Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

***Tuyên xử***: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Ngân Thị T, cụ thể như sau:

*Về hôn nhân*: Xử cho chị Ngân Thị T được ly hôn anh Lương Xuân M.

*Về con chung*: Giao cho chị Ngân Thị T trực tiếp nuôi hai cháu: Lương Anh T và Lương Ngân Anh N; anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

Anh M có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

*Về án phí*: Chị Ngân Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Như Thanh, theo biên lai số AA/2018/0006282, ngày 05/8/2019. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh;
- UBND xã T;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THA DS huyện Như Thanh (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

***Lê Đình Huy***